



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN
CÔNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ
CERTIFICATE OF APPROVAL FOR SERVICE SUPPLIER

Số: 03567/23SG-SSC
No.:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
VIETNAM REGISTER CERTIFIES THAT

Cơ sở/ Service Supplier: Công ty TNHH DV & Kỹ thuật Biển Xanh
Green Ocean Technology and Service Co.,Ltd.
Số phân biệt: DV08026

Địa chỉ/ Address: Số 183C/5P Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
No.183C/5P Ton That Thuyet Street, Ward 4, Ho Chi Minh City

Đã được đánh giá và công nhận năng lực để cung cấp (các) dịch vụ sau đây phù hợp với QCVN 65: 2015/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển" (sau đây gọi là "Quy chuẩn"):

Has been assessed and approved to provide the following service(s) in compliance with the QCVN 65: 2015/BGTVT "National Technical Regulation on the assessment sea-going ship's manufactures and service suppliers". (hereinafter refer to as "the Regulation"):

1. Bảo dưỡng hệ thống và thiết bị cứu hỏa của tàu./ Services of shipboard fire fighting appliances and arrangement.
2. Bảo dưỡng thiết bị cứu sinh của tàu./ Services of life-saving appliances.
3. Bảo dưỡng và thử xuống cứu sinh, xuống cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu nhà có tải liên quan của tàu./ Services of maintenance and test of lifeboats, rescue boats, launching appliances and on load release gears of ship.

(Xem phụ bản số 03567/23SG-SSCR/ See appendix No. 03567/23SG-SSCR)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:
This Certificate is valid until:

15 tháng 05 năm 2028

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với Quy chuẩn.
subject to periodical endorsement in accordance with the Regulation.

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:
Periodical assessment date:

15 tháng 11 năm 2025

Cấp tại: T.P Hồ Chí Minh
Issued at

Ngày: 13 tháng 12 năm 2023
Date



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Tâm

XÁC NHẬN CHU KỲ
PERIODICAL ENDORSEMENT

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận tình trạng của cơ sở cung cấp dịch vụ được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Based on the periodical assessment, the condition of the service supplier is maintained in compliance with the Regulation.

Ngày:
Date

CỤC ĐĂNG KÍ VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GHI CHÚ - REMARKS:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

The Certificate may be cancelled in cases:

- Cơ sở thực hiện cung cấp dịch vụ không đúng các yêu cầu hoặc kết quả ghi sai.
The service provided is improperly carried out or the results are improperly reported.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của Cơ sở.
The surveyor has found major deficiencies in the operating system of the Service Supplier.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của Cơ sở tới VR.
The Service Supplier fails to inform of any alteration in the system to Vietnam Register.



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

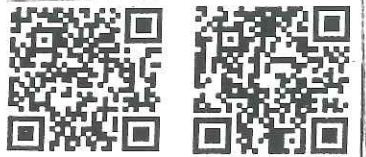
PHỤ BẢN GIẤY CHỨNG NHẬN
CÔNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: 03567/23SG-SSCF
No:

APPENDIX TO CERTIFICATE OF APPROVAL
FOR SERVICE SUPPLIER

Kèm theo Giấy chứng nhận công nhận năng lực cơ sở cung cấp dịch vụ số: 03567/23SG-SSC
Appendix to certificate of approval for service supplier No.:

Số No.	Loại thiết bị, tên nhà chế tạo Type of appliances, manufacturer	Phù hợp với quy định in accordance with the requirements
1	Hệ thống chữa cháy cố định sử dụng CO2, bọt có độ giãn nở cao và thấp, bột hóa chất khô. Fixed fire fighting systems of CO2, high and low expansion foam, dry chemical powder.	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
2	Bình chữa cháy xách tay và di động (bao gồm cả bộ dụng cụ tạo bọt di động). Portable and movable extinguishers (including portable foam applicator unit).	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
3	Bộ dụng cụ thở tự cung cấp không khí (SCBA). Self-contained breathing apparatus (SCBA).	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
4	Bộ dụng cụ thở dùng trong trường hợp thoát hiểm (EEBD). Emergency escape breathing devices (EEBD).	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
5	Hệ thống phát hiện cháy và báo động cháy. Fire detecting and fire alarm system.	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
6	Thử thủy lực bình chịu áp lực. Hydraulic testing for pressure cylinders.	Bộ luật FSS FSS Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
7	Bảo dưỡng phao bè tự bơm hơi của nhà sản xuất: Service of inflatable liferafts of ship manufactured by: 1. Shanghai Haian Lifesaving Equipment Co.,Ltd. (HAF-A, HAF-D, HAF-K, HAF-ASR, HAF-DSR). 2. Jiangsu Haining Marine Equipment Co.,Ltd. (HNF-A, HNF-CR, HNF-D, HNF-DSR, HNF-FJ, HNF-HSC and HNF-SR). 3. Shanghai Huaxiang Dacheng Rubber & Plastics Co.,Ltd. (all types of "SDR", "HAI YAN PAI" inflatable liferafts, including "HYF" and "QJF" series). 4. Shanghai Youlong Rubber Products Co.,Ltd. (KHA, KHZ, KHA-(II), KHD, KHZD, KHR, KHK, KHY, KHYJ, KHY(SR), KHB). 5. Shanghai Cunhong Marine Lifesaving Appliance Co.,Ltd. (All types of "CUNHONG" & "SAFINDO", including "CHF" & "SLR" and All types of "TOKUGAWA", including "DLR"). 6. Shanghai Star Rubber Products Co.,Ltd. (RAFT-A, RAFT-D, SMLR-A, SMLR-D, RAFT-SR, RAFT-R and RAFT-DSR). 7. Ningbo Neptune Life-saving Equipment Co.,Ltd. (ATOB, ADL, ADLSR, ASR, AOR, YT, YSR and YJT). 8. Yantai Huayang Lifesaving Equipment Manufacturing Co., Ltd. (HYF-A, HYA, HYF-D, HY-D, HYF-U(I), HYF-U(II), HYFZ, HYF-K). 9. Ningbo Haifeng Life-saving Appliance Manufacturing Co.,Ltd. (CRV brand: A6, A10, A15, A20, A25: D12, D16, D20, D25; U6, U8, U10, U12; Z10, Z15, Z20, Z25, Z30, Z35; DZ16, DZ20, DZ25; K50, K65).	Bộ luật LSA LSA Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO

Số No.	Loại thiết bị, tên nhà chế tạo Type of appliances, manufacturer	Phù hợp với quy định In accordance with the requirements
8	Bảo dưỡng cơ cấu nhà thủy tĩnh Services of hydrostatic release unit	Bộ luật LSA LSA Code Các yêu cầu liên quan của IMO Relevant requirements of IMO
9	<p>Bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu thả có tải của tàu của nhà sản xuất: Services of maintenance and test of lifeboats, rescue boats, launching appliances and on-load release gears manufactured by:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Qingdao Beihai Shipbuilding Heavy Industry Co., Ltd. Qingdao Beihai Boatbuilding Branch. 2. Vanguard 3. Jiangyin Wolong F.R.P Boat Co., Ltd. 4. Ningbo Asia F.R.P Boat Manufacturing Co., Ltd. 5. Ningbo New Marine Lifesaving Equipment 6. Zhenjiang Marine Auxiliary Machinery Co., Ltd. 7. Zhejiang Hengxin Ship Equipment Co., Ltd. 8. Jiangsu Jiaoyan Marine Equipment Co., Ltd. 9. Binh An Collective Enterprise 10. Ben Thuy Shipyard 11. Duc Thinh Marine Mechanic Co., Ltd. 12. Jiangyin Neptune Marine Appliance Co., Ltd. 13. Bảo dưỡng và thử xuồng cứu sinh, xuồng cấp cứu, thiết bị nâng hạ và cơ cấu thả có tải của tàu của các nhà sản xuất được nêu trong phụ bản đính kèm trong CRALOG.com và QR-code (Truy cập QR-code đính kèm trên phụ bản) 	<p>Bộ luật LSA LSA Code Nghị quyết của IMO MSC.402(96) and MSC.404 (96) IMO MSC.402(96) and MSC.404 (96)</p> 

Cấp tại
Issued at

T.P Hồ Chí Minh

Ngày
Date

13 tháng 12 năm 2023

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Tâm